

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
SÀI GÒN - HÀ NỘI**

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012  
đã được kiểm toán**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
**AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)**

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers  
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---



## NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
THÔNG TIN CHUNG	02-03
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06-14

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

### THÔNG TIN CHUNG

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62/GPĐC-UBCK ngày 23/11/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/08/2012
Ông Trần Thoại	Ủy viên	
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Nguyễn Công Sừ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Phạm Ngọc Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	
Ông Lương Đức Chính	Thành viên	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Bà Đàm Ngọc Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/12/2012
Ông Trần Hữu Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012
		Miễn nhiệm ngày 19/11/2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Đình Lợi - Chức danh Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Đình Lợi**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2013



Số: *266* /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 04 tháng 03 năm 2013 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 14 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 - "Báo cáo kiểm toán về những công việc kiểm toán đặc biệt" và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Số: 155-2013/BC-SHTS  
V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Trần Sỹ Tiến  
Kế toán trưởng



Hoàng Đình Lợi  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2013

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

### I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.000.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	108.234.052.000		
3	Cổ phiếu quỹ (*)	(1.550.000.000)		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	7.420.555.826		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	7.420.555.826		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(3.399.437.107)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		142.884.686.604	595.388.068
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>975.836.428.009</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán		85.615.695.000	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-



## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

### I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>108.172.449</b>	
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		542.405.751	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		64.688.500	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>86.330.961.700</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>10.826.259.715</b>	

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

### I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
III	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	
IV	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		7.608.835.645	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	<b>Tổng</b>			18.435.095.360
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>				871.070.370.949

1108  
NG T  
HIỆM H  
VỤ T  
NH KẾ  
ÊM T  
KIỂM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>A RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			-
1	Tiền mặt (VND)	0%	48.854.705	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	152.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
<b>II</b>	<b>Trái phiếu Chính phủ</b>			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
<b>III</b>	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>			-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

C.T.Đ.  
 HẠN  
 VẤN  
 OÁN VÀ  
 AN  
 TP. HÀ

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

### II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

<b>A RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>IV</b>	<b>Cổ phiếu</b>			<b>51.534.878.035</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	77.307.310.200	7.730.731.020
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	142.027.463.700	21.304.119.555
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	137.300	27.460
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	45.000.000.000	22.500.000.000
<b>V</b>	<b>Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			<b>-</b>
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	14%	-	-
<b>VI</b>	<b>Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			<b>-</b>
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
<b>VII</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>-</b>
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
18	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
<b>VIII</b>	<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>			<b>3.934.982.226</b>
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	20%	131.166.074.200	3.934.982.226
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>			<b>55.469.860.261</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**  
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>B</b>		<b>RỦI RO THANH TOÁN</b>						
<b>Loại hình giao dịch</b>		<b>Giá trị rủi ro</b>						<b>Tổng giá trị rủi ro</b>
		<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	
<b>I</b>	<b>Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>						<b>10.580.349.165</b>	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	9.120.000.000	-	9.120.000.000
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	34.773.227	34.773.227
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	1.425.575.938	1.425.575.938
<b>II</b>	<b>Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>						<b>272.115.509.353</b>	
	<b>Thời gian quá hạn</b>					<b>Hệ số rủi ro</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>
1	0 – 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%	-	-
2	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%	-	-
3	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%	-	-
4	Từ 60 ngày trở đi					100%	272.115.509.353	272.115.509.353



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

III	Rủi ro tăng thêm (nếu có)			2.059.509.317
	Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Chu Thị Thu Trang	20%	128.719.332.299	2.059.509.317
<b>B</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>			<b>284.755.367.835</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

C	RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	Giá trị rủi ro
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	335.249.968.876
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	69.353.400.606
	1. Chi phí khấu hao	6.669.642.457
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(49.079.870.981)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	19.206.000.000
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	92.557.629.130
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	265.896.568.270
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	66.474.142.068
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	66.474.142.068
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	406.699.370.164

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	55.469.860.261	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	284.755.367.835	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	66.474.142.068	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	406.699.370.164	
5	Vốn khả dụng	871.070.370.949	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	214,18%	


Trần Sỹ Tiên  
Kế toán trưởngHoàng Đình Lợi  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2013